

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-02-2023

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Tuyết H; địa chỉ: đường MB - C, Khóm N, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn K; địa chỉ: đường MB - C, Khóm N, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị Tuyết H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Võ Văn K tự tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LM, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long ngày 04/3/2009. Sau khi kết hôn, bà và ông K thuê nhà trọ sinh sống tại Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Bà và ông K sống hạnh phúc khoảng 13-14 năm thì không còn hạnh phúc. Các mâu thuẫn lớn làm gián đoạn cuộc sống hạnh phúc, do ông K cờ bạc, đi không về nhà và không lo cho vợ con.

Khi phát sinh mâu thuẫn bà cũng có tạo điều kiện cùng nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông K không có thay đổi và vợ chồng vẫn không hàn gắn

được, hai bên gia đình cũng có khuyên ngăn nhưng ông K không thay đổi. Hai bên vẫn chưa khắc phục mâu thuẫn nêu trên.

Hiện nay bà và ông K đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Ông K không còn sinh sống tại địa chỉ đường MB - C, Khóm N, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long khoảng gần 02 năm nay; còn bà hiện nay sống tại địa chỉ đường MB - C, Khóm N, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; bà xác định hiện nay không còn tình cảm với ông K. Vì vậy, bà không thể hàn gắn đoàn tụ với ông K được và cương quyết xin ly hôn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Võ Văn K theo đơn khởi kiện.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Võ Hoàng T1, sinh ngày 11/8/2007 và Võ Hoàng T2, sinh ngày 17/8/2015. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Hoàng T1, Hoàng T2 và yêu cầu ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi 02 cháu Hoàng T1 và Hoàng T2 đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn K: Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo ngày mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng ông K đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền loại việc: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền theo lãnh thổ: Bị đơn ông Võ Văn K cư trú tại địa chỉ: đường MB - C, Khóm N, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn ông Võ Văn K đã được Tòa án triệu tập họp hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân:

Bà Bùi Thị Tuyết H với ông Võ Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã LM, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long ngày 04/3/2009. Do đó, quan hệ hôn nhân của bà H và ông K

là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Bà H xác định vợ chồng ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay.

Đối chiếu với quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, nhưng giữa bà H và ông K mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, vẫn không hàn gắn được. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông K là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H ly hôn với ông K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, cháu Võ Hoàng T1, sinh ngày 11/8/2007 và Võ Hoàng T2, sinh ngày 17/8/2015 chưa thành niên và hiện nay bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, bà H và ông K ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay, trong thời gian đó cháu Hoàng T1 và cháu Hoàng T2 sống với bà H, cuộc sống của 02 cháu đang ổn định. Do đó, việc giao 02 cháu cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng T1, cháu Hoàng T2 và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, ông K không trực tiếp nuôi 02 cháu Võ Hoàng T1 và Võ Hoàng T2. Bà H yêu cầu ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Hoàng T1 và Hoàng T2 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi 02 cháu đủ tuổi trưởng thành, phù hợp với nhu cầu thiết yếu của 02 cháu là có căn cứ nên được chấp nhận. Vì vậy, buộc ông Võ Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Võ Hoàng T1 và Võ Hoàng T2 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi 02 cháu Hoàng T1 và Hoàng T2 đủ tuổi trưởng thành.

[4] Về chia tài sản: Bà Bùi Thị Tuyết H tự thỏa thuận với ông Võ Văn K, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Bùi Thị Tuyết H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Buộc bị đơn ông Võ Văn K chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho bà Bùi Thị Tuyết H ly hôn với ông Võ Văn K.

2. *Về nuôi con chung*: Giao các cháu Võ Hoàng T1, sinh ngày 11/8/2007 và Võ Hoàng T2, sinh ngày 17/8/2015 cho bà Bùi Thị Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Võ Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Võ Hoàng T1 và Võ Hoàng T2 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi 02 cháu Hoàng T1 và Hoàng T2 đủ tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản*: Bà Bùi Thị Tuyết H tự thỏa thuận với ông Võ Văn K, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Bà Bùi Thị Tuyết H khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Bà Bùi Thị Tuyết H chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001651 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Võ Văn K chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

6. *Về quyền kháng cáo*:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

7. *Về nghĩa vụ thi hành án*:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND xã LM, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan